

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 10 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa

bà A và ông V.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bon

Bà Võ Thị Kim Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2018/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà A có mặt, ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Bà và ông V chung sống với nhau từ năm 1973, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập bà. Bà đã cố gắng chịu đựng cho ông V cơ hội nhưng ông V vẫn không thay đổi. Bà và ông V đã ly thân 10 năm nay, bà sống với con trai. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 03 người con chung tên:

- Trần Thị Kim D, sinh ngày 27/4/1974.

- Trần Thị Mai K, sinh ngày 22/9/1976.
- Trần Quốc K, sinh ngày 17/6/1979.

Hiện nay 03 con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 19 tháng 7 năm 2018 ông Trần Văn V là bị đơn trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như diễn biến quá trình chung sống đúng như lời bà A trình bày. Trong quá trình chung sống ông cũng thường xuyên uống rượu và có đánh bà A một vài lần do say quá không kiềm chế được bản thân. Hiện nay, bà A đang sống chung với con trai, ông có nói bà A về chung sống với ông nhưng bà A không đồng ý. Ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như bà A trình bày, ông và bà A có 03 người con chung. Hiện nay 03 con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn V. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông V chung sống với nhau từ năm 1973, không có đăng ký kết hôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà A và ông V được xác lập trước ngày 03/01/1987, căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông V thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập bà A, vợ chồng đã ly thân 10 năm nay, ông V cũng thừa nhận thường xuyên uống rượu và có đánh bà A một vài lần do say quá không kiềm chế được bản thân nhưng ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ

nhưng không thành, bà A kiên quyết ly hôn, ông V cũng không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà A yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[4] Về con chung: Bà A và ông V có 03 người con chung:

- Trần Thị Kim D, sinh ngày 27/4/1974.
- Trần Thị Mai K, sinh ngày 22/9/1976.
- Trần Quốc K, sinh ngày 17/6/1979.

Hiện nay các con chung đã thành niên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Lê Thị A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị A và ông Trần Văn V.
2. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002291 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

